

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY

Dương Thanh Mừng*

Tóm tắt: Sự hình thành và phát triển của Phong trào Chấn hưng Phật giáo trong nửa đầu thế kỷ XX đã đánh dấu một cuộc cách mạng mới trong diễn trình lịch sử Phật giáo Việt Nam. Những nội dung chấn hưng, cải cách trong phong trào này tuy chưa đề cập đầy đủ các phương diện của đạo Phật, nhưng đã góp phần tạo ra sự chuyển hóa cần thiết về “lượng” cho những “bước nhảy” về “chất” của Phật giáo Việt Nam sau này. Nhìn lại quá khứ, rút ra bài học cho hiện tại và tương lai không những là việc làm có ý nghĩa khoa học mà còn chứa đựng cả những giá trị thực tiễn sâu sắc. Với mục đích và ý nghĩa này, bài viết đi vào phân tích và trình bày những kết quả đã đạt được trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Qua đó, góp phần bổ sung nguồn tài liệu và những bài học kinh nghiệm cho xây dựng, phát triển Phật giáo trong tình hình mới hiện nay.

Từ khóa: Phật giáo, Phong trào Chấn hưng, bài học kinh nghiệm, Việt Nam.

Abstract : The emergence and development of the Buddhist revival movement in the first half of the twentieth century marked a new revolution in the historical trajectory of Vietnamese Buddhism. Although the revival and reforms initiated by the movement did not cover all aspects of Buddhism, they contributed significantly to the necessary “quantitative changes” that paved the way for subsequent “qualitative leaps” of Vietnamese Buddhism. Looking back on the past to draw lessons for the present and the future is not only a scholarly endeavor but also embraces profound practical value. With this purpose, the article analyzes and presents the main achievements of the Buddhist revival movement in Vietnam during the first half of the twentieth century. Through this, it seeks to provide additional references and lessons to the process of constructing and developing Buddhism in the current context.

Keywords: Buddhism, revival, movement, organization, Vietnam.

Ngày nhận bài: 11/9/2025; ngày phản biện: 12/1/2026; ngày duyệt đăng: 08/2/2026.

DẪN NHẬP

Trong những năm qua, nghiên cứu về Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đã và đang nhận được sự quan tâm của các tác giả với những mức độ đậm nhạt khác nhau. Có thể khái quát các công trình nghiên cứu theo một số hướng chính. Thứ nhất, nhóm công trình dưới góc độ lịch sử Phật giáo nói chung, tập trung phác họa tiến trình hình

* Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng. Email: thanhmung88@gmail.com.

thành và phát triển của phong trào trong mối liên hệ với lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là các công trình của Thích Mật Thể (1960) về *Việt Nam Phật giáo sử lược*; Thích Thiện Hoa (1970) về *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*; Nguyễn Lang (1994) về *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3. Các công trình này đã góp phần xác lập bức tranh tổng thể về bối cảnh ra đời, diễn biến và những nhân vật tiêu biểu của Phong trào Chấn hưng. Thứ hai, một số nghiên cứu tiếp cận Phong trào Chấn hưng Phật giáo từ góc độ tư liệu báo chí và hoạt động xuất bản, qua đó làm rõ vai trò của báo chí Phật giáo trong việc truyền bá tư tưởng cải cách và tổ chức phong trào. Có thể kể đến công trình của Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2008) về *Phong trào Chấn hưng Phật giáo (Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)*; Nguyễn Thị Thảo (2014) về *Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945*;... Hướng nghiên cứu này đã cung cấp nguồn tư liệu quan trọng để nhận diện nội dung và phương thức vận động của phong trào trên phương diện truyền thông và giáo dục. Thứ ba, các công trình đi sâu khảo sát Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở từng không gian cụ thể như: Lê Tâm Đắc (2012) về *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954)*; Ninh Thị Sinh (2020) về *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ: Trường hợp Hội Phật giáo (1934 - 1945)*;... Các nghiên cứu này đã làm rõ đặc điểm tổ chức, hoạt động và ảnh hưởng xã hội của phong trào trong từng khu vực, góp phần bổ sung cách nhìn cụ thể và thực chứng hơn về Phong trào Chấn hưng.

Nhìn chung, các công trình trên đã góp phần làm sáng tỏ Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam trên nhiều phương diện, từ lịch sử hình thành, tổ chức hội đoàn, hoạt động báo chí - xuất bản đến những đặc điểm khu vực. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có vẫn chủ yếu tiếp cận phong trào dưới góc độ mô tả lịch sử hoặc khảo cứu từng mặt riêng lẻ, trong khi việc phân tích một cách hệ thống những kết quả đạt được của Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam trên các phương diện chủ yếu và ý nghĩa của chúng đối với sự phát triển Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở kế thừa các thành quả nghiên cứu trước, bài viết này tiếp tục phân tích và làm rõ một số kết quả chủ yếu mà Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã đạt được trong nửa đầu thế kỷ XX, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho công cuộc xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh mới. Về phương pháp, bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp phương pháp lịch sử - logic, phân tích - tổng hợp tư liệu và so sánh đối chiếu giữa các giai đoạn phát triển. Tư liệu chủ yếu được khai thác từ các văn bản lịch sử, báo chí Phật giáo trong giai đoạn chấn hưng và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, nhằm bảo đảm tính khách quan và toàn diện của kết quả nghiên cứu.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Một số kết quả đạt được của Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX

Về phương diện tổ chức: Từ lúc phong trào hình thành (1931) đến khi kết thúc giai đoạn một (1953), trên khắp ba miền đất nước đã hình thành nhiều tổ chức Phật giáo khác nhau.

Ở miền Nam, các hội đoàn lần lượt được thành lập trong giai đoạn Chấn hưng Phật giáo là: *Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học* thành lập tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn (1931); *Hội Phật giáo Liên hữu* thành lập tại chùa Bình An, Long Xuyên (1932); *Tịnh độ Cư sĩ Phật hội* tại chùa Hưng Long, Sài Gòn (1934); *Hội Phật học Tương tế* tại chùa Thiên Phước, Sóc Trăng (1934); *Hội Lương Xuyên Phật học* tại chùa Long Phước, Trà Vinh (1934); *Hội Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên hữu* tại chùa Thiên Thai, Bà Rịa - Vũng Tàu (1934); *Hội Phật giáo An Nam tại Campuchia* ở chùa Kim Chương, Phnom Penh (1935); *Hội Phước thiện nhà Phật* tại chùa Long Vân, Gia Định (1935); *Hội Phật giáo Thiện hữu* tại chùa Phước Long, Long Xuyên (1936); *Hội Phật Di Đà* tại chùa Linh Nguyên, Sài Gòn (1936); *Hội Phật học Kiêm tế* tại chùa Tam Bảo, Rạch Giá (1937); *Kim Liên xã Cư sĩ Lâm* tại chùa Kỳ Viên, Sài Gòn (1937); *Hội Phật giáo Quan Âm Tịnh độ* tại Quan Tế Phật đường, Long Xuyên (1940); *Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ* tại chùa Ô Môi, Đồng Tháp Mười (1947); *Hội Phật học Nam Việt* tại chùa Khánh Hưng, Sài Gòn (1950); *Giáo hội Tăng già Nam Việt* tại chùa Hưng Long, Sài Gòn (1951); *Giáo hội Lục hoà tăng Nam Việt* tại chùa Phật Ấn, Sài Gòn (1951); *Hội Lục hòa phật tử* (1953) (Dương Thanh Mừng, 2022, tr. 593).

Tại miền Trung, từ năm 1932, Hòa thượng Giác Tiên đứng ra vận động các tăng ni, phật tử cùng với một số cư sĩ, nhà trí thức, như: Tâm Minh Lê Đình Thám, Nguyễn Khoa Tân, Nguyễn Đình Hòe, Ứng Bàng... thành lập Hội An Nam Phật học tại chùa Trúc Lâm (Huế). Năm 1934, Hội Phật học Đà Thành thành lập tại chùa Phổ Thiên, Đà Nẵng và đến năm 1943, Hội Thiện sinh Trung Kỳ thành lập tại chùa Diệc Cổ, thành phố Vinh, Nghệ An. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, chư vị Hòa thượng Trí Quang, Thiện Minh, Thiện Siêu cùng cư sĩ Chơn An Lê Văn Định quyết định cải tổ Hội An Nam Phật học thành Hội Việt Nam Phật học, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm, Huế. Đến năm 1949, dưới sự dẫn dắt của Hòa thượng Đôn Hậu, Trí Thủ, Giáo hội Tăng già Trung Việt được thành lập (Dương Thanh Mừng, 2016, tr. 45-64).

Tại miền Bắc, năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập tại chùa Quán Sứ, Hà Nội với vai trò chủ đạo của Hòa thượng Thanh Hanh và cư sĩ Nguyễn Năng Quốc. Năm 1935, Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ Sơn môn thành lập tại chùa Bà Đá, gắn với vai trò Hòa thượng Thanh Tường. Năm 1943, Bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết thành lập Hội Thanh niên phật tử Việt Nam. Sau kỳ Đại hội thường niên tháng 5 năm 1945, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đổi tên thành Hội Việt Nam Phật giáo; cũng trong năm này, Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ được thành lập. Năm 1949, Hòa thượng Tổ Liên thành lập Hội Chính lý tăng ni Bắc Việt và đến năm 1950 đổi tên thành Giáo hội Tăng già Bắc Việt (Thích Thiện Hoa, 1970, tr. 92).

Đến năm 1950, hầu khắp các tỉnh thành trên cả nước đã có mặt của các tổ chức Phật giáo. Sự hình thành các tổ chức Phật giáo từ trung ương đến địa phương cho thấy, Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, sâu rộng. Cũng chính vì vậy, nhu yếu thống nhất Phật giáo đặt ra ngày càng cấp thiết. Báo chí Phật giáo từ miền Bắc tới miền Nam đều nhất loạt đăng tải nhiều bài viết phản ánh tâm tư, nguyện vọng thống nhất của tăng ni, phật tử. Ở miền Bắc, Hòa thượng Tổ Liên viết: “Ta phải tuân theo mục đích

của Hội Phật giáo quốc tế là thống nhất lực lượng Phật giáo, theo đà tiến triển thì phải thống nhất lực lượng từng xứ sở rồi đi đến thống nhất Phật giáo toàn quốc để gia nhập cơ quan thống nhất Phật giáo quốc tế” (Nguyễn Đại Đồng, 2008, tr.17). Ở miền Trung, Hòa thượng Trí Quang, qua bài “Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc”, cũng đã nói lên nguyện vọng thống nhất rằng: “Thống nhất Phật giáo, đây là nguyện vọng từ lâu, nguyện vọng duy nhất của toàn thể phật tử xuất gia cũng như phật tử tại gia” (Thích Trí Quang, 1950, tr. 3). Ở miền Nam, Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt là Nguyễn Văn Khỏe gửi thư tới tăng ni, phật tử trong cả nước bày tỏ nguyện vọng thống nhất rằng: “Ở Bắc cũng như ở Trung, công cuộc hoằng pháp lợi sinh trong vòng 4 - 5 năm dù gặp phải cảnh khó đã và đang mãnh tiến rất có quy củ. Đề xướng việc lập Hội Phật học chúng tôi còn có cái thâm ý đi đến chỗ Bắc - Trung - Nam sẽ bắt tay nhau thành một khối phát triển quảng đại và thống nhất trên nguyên tắc cũng như trong hành động” (Nguyễn Đại Đồng, 2008, tr. 18).

Trước những yêu cầu cấp thiết như vậy, một hội nghị trù bị đã được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế (26/3/19251). Xác định thời cơ đã chín muồi, Hội nghị quyết định hiệu triệu tinh thần hòa hợp và thống nhất của các tăng ni, phật tử trong cả nước; đồng thời, ấn định thời gian, địa điểm và thành phần để tổ chức hội nghị chính thức. Từ ngày 6 đến ngày 9/5/1951, hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam đã diễn ra tại chùa Từ Đàm, Huế. Tham dự hội nghị có đại diện của các tổ chức Phật giáo ở cả ba miền đất nước. Sau khi bàn bạc, Hội nghị nhất trí thống nhất 6 tập đoàn tăng già và cư sĩ trong cả nước để thành lập nên Tổng hội Phật giáo Việt Nam, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm, Huế. Đồng thời, thông qua Điều lệ, Nội quy hoạt động của Tổng hội, cũng như bầu ra Ban Trị sự với nhiệm kỳ hoạt động 3 năm. Trong nhiệm kỳ đầu, Hòa thượng Tịnh Khiết được suy tôn làm Hội chủ, hai Phó Hội chủ là Hòa thượng Trí Hải và cư sĩ Chơn An Lê Văn Định.

Có thể nói, Tổng hội Phật giáo Việt Nam chính là thành quả to lớn mà các tăng ni, phật tử Việt Nam đã đạt được trong suốt hành trình vận động chấn hưng, cải cách đạo pháp trong nửa đầu thế kỷ XX. Lần đầu tiên trong tiến trình lịch sử phát triển, Phật giáo Việt Nam đã có những thay đổi một cách căn bản về mặt tổ chức. Nếu như trước đây, Phật giáo Việt Nam sinh hoạt chủ yếu theo các hình thức tăng đoàn, tổ đình hoặc sơn môn, hệ phái, thì nay đã được nhất thể hóa dưới một tổ chức chung là Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Hình thức sinh hoạt cũng có sự thay đổi, đó là sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cấp theo cơ chế hàng dọc từ dưới lên và từ trên xuống. Chính những đổi mới có tính căn bản này đã tạo ra cho Phật giáo Việt Nam có thêm những bước phát triển cần thiết cả về chiều sâu lẫn chiều rộng. Mặc dù quá trình thống nhất lần này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế (chưa quy tụ được tất cả các sơn môn, hệ phái), song nó đã tạo ra bước ngoặt lớn đối với Phật giáo Việt Nam. Sau gần 20 thế kỷ du nhập vào Việt Nam, đây là lần đầu tiên tăng ni, phật tử trong cả nước có chung một tổ chức để cùng nhau thể hiện khát vọng xây dựng, phát triển đạo pháp. Điều quan trọng hơn, chính sự thống nhất này đã tạo nên sức mạnh đoàn kết để Phật giáo Việt Nam vượt qua mọi giông tố và tiếp tục tiến bước vững chắc vào thế kỷ XXI.

Về phương diện tư tưởng - xã hội: Trong bối cảnh xã hội đang có sự giao thoa giữa cái cũ và cái mới, Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam với những hoạt động thiết thực đã góp phần nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân trước các vấn đề của thời cuộc. Nhiều vấn đề lý luận, nhận thức mang tính triết học, mang tính thời đại đã được tăng ni, phật tử đưa ra tranh luận sôi nổi, không chỉ trên phương tiện báo chí mà còn được thể hiện rõ nét cả trong tinh thần thi đua xây dựng lối sống tốt đời đẹp đạo, trong cách tu hành, trong văn hóa ứng xử,... Các tăng ni, phật tử trong giai đoạn này, bằng những kiến thức thực tế và dựa trên kinh điển của Phật giáo, đặt và bàn luận rất nhiều vấn đề mà trước đó ở Việt Nam chưa từng bàn tới. Những vấn đề thuộc về phạm trù nhận thức luận như: Phật giáo có tồn tại quan điểm Thượng đế sáng tạo ra vạn vật hay không? Có hay không có linh hồn bất tử? Có hay không thiên đường Tây Phương cực lạc?... đã được đề cập và tranh luận khá sôi nổi. Cách đánh giá, nhìn nhận theo đó cũng hình thành theo hai hướng là khẳng định hoặc phủ định vấn đề. Một bên là phủ nhận sự tồn tại của thế giới vật chất, thừa nhận sự tồn tại của thế giới vô hình, của linh hồn bất tử. Một bên là dựa trên các luận cứ khoa học và các quan điểm duy vật biện chứng lịch sử để đánh giá vấn đề và họ thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất, phủ nhận những quan điểm lạc hậu, mê tín dị đoan. Điều đặc biệt là, các quan điểm được tăng ni, phật tử đưa ra bàn luận trong giai đoạn này luôn có sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học thực nghiệm phương Tây với các giá trị nền tảng tư tưởng truyền thống của đạo Phật. Trong đó, đáng chú ý nhất là vấn đề bản chất vạn vật và con người. Bằng lý luận sắc bén, các học giả lúc bấy giờ đã khẳng định muốn tìm ra cái thực tướng, tức là cái chân tướng của vũ trụ, vạn vật thì con người phải đi từ thực tế khách quan, từ cái thực tướng để tìm ra bản chất, quy luật vận động và phát triển của các sự vật. Đây là những quan điểm tiến bộ và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của tư tưởng Phật học Việt Nam sau này.

Các cuộc “bút chiến, bút đàm” trên báo chí đã tạo ra bầu không khí học thuật mới, thu hút sự quan tâm, tham gia tranh biện của nhiều giai tầng trong xã hội. Các cuộc tranh luận này đã góp phần đẩy lùi những quan điểm bảo thủ, các hủ tục, đồng thời làm xuất hiện những tư tưởng mới với nhiều màu sắc tiến bộ và hiện đại. Đến thời điểm này, nhiều tăng ni, phật tử đã có những cách nhìn nhận sát thực, khách quan hơn đối với các vấn đề nảy sinh từ đời sống xã hội. Đúng như Nguyễn Lang đã nhận định: “Người phật tử phải có sự giác ngộ mới. Những sự giác ngộ mới này là do các khoa học khám phá. Người phật tử phải học khoa học để biết rằng không có cõi cực lạc ở phương Tây và cũng không hề có thiên đường cùng địa ngục” (Nguyễn Lang, 1994, tr. 70). Đồng thời, các cuộc tranh luận của tăng ni, phật tử trên đây còn cho thấy “cách nhìn biện chứng đã xuất hiện trong tư tưởng của họ: Hoàn cảnh thay đổi, suy nghĩ và phương châm hành động của người phật tử cũng phải thay đổi” (Đặng Thị Lan, 2011, tr. 242).

Về phương diện đào tạo tăng tài: Trong suốt diễn trình phong trào, cùng với các hoạt động, như: xây dựng hệ thống tổ chức, chỉnh lý cách thức tu tập và sinh hoạt của tăng già, hoạt động giáo dục tăng tài... cũng chính là một nhiệm vụ trọng tâm được nhiều hội đoàn Phật giáo quan tâm thực hiện. Chương trình đào tạo, hệ thống trường học phục vụ cho quá

trình giáo dục đã được xây dựng và từng bước kiện toàn ở nhiều địa phương trong cả nước. Nền giáo dục tân học Phật giáo chính thức được xác lập với nhiều cấp bậc, nhiều loại hình đào tạo khác nhau. Ở miền Nam lúc này có các cơ sở giáo dục, như: Trường Tăng sĩ ở Sài Gòn, Phật học đường Tuyên Linh ở Bến Tre, Phật học đường Phi Lai ở Châu Đốc, Giác Hoa ở Bạc Liêu, Long Hòa ở Trà Vinh, Thiên Phước ở Vĩnh Long, Lương Xuyên ở Trà Vinh,... Ở miền Trung có Trường Sơ đẳng, Trung đẳng Phật học ở Bình Định và các Phật học đường Phổ Đà ở Đà Nẵng, Trúc Lâm, Tây Thiên, Báo Quốc, Kim Sơn, Tường Vân ở Thừa Thiên Huế,... Ở miền Bắc có Trường Trung học Phật học tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, Trường Đại học Phật học tại chùa Sở, Hà Đông... (Lê Tâm Đắc, 2006, tr. 35-42). Sự hình thành đa dạng của hệ thống Phật học đường, cấp học đã tạo điều kiện cho các tăng ni, phật tử cũng như con em các gia đình hoàn cảnh khó khăn có thêm điều kiện học tập, rèn luyện. Từ đó, góp phần đào tạo nên nhiều vị cao tăng đủ đức, đủ tài làm nòng cốt cho quá trình thống nhất và phát triển của Phật giáo Việt Nam sau này. Chư vị lãnh đạo Phật giáo ở Trung ương cũng như các tỉnh thành ở Việt Nam giai đoạn sau này đều xuất thân từ các Phật học đường của Phong trào Chấn hưng như: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Trí Thủ, Thiện Minh, Trí Quang, Mật Thể, Đôn Hậu, Thiện Hoa, Thiện Hòa, Thiện Siêu, Trí Hải,... Cũng từ các chương trình giáo dục này “đã tạo nên những điều kiện tiền đề cho sự xuất hiện Viện Đại học Phật giáo và các ông tiến sĩ Phật học sau này” (Trần Văn Giàu, 1993, tr.233).

Một trong những biện pháp rất đáng chú ý của các tổ chức Phật giáo trong giai đoạn chấn hưng là sử dụng chữ Quốc ngữ trong học tập, nghiên cứu cũng như phổ biến kinh sách. Các bậc lãnh đạo của các tổ chức đều nhận thấy rằng, để công tác giáo dục tăng ni đạt được hiệu quả cao thì cần phải kiến thiết một nền học thuật mới dựa trên nền tảng của chữ Quốc ngữ. Bởi: “Người An Nam nói tiếng An Nam bao giờ cũng lão luyện hơn, đọc văn An Nam bao giờ cũng thông suốt hơn” (Thích Mật Thể, 1940, tr. 27). Mục đích là nhằm: “Làm phương pháp giáo dục trong tăng già cho được phổ thông tri thức, hầu bớt nạn thất học và đặt đẽ về phần đào luyện nhân tài ra hoằng dương Phật pháp, sau lại cho thích hợp với trình độ, học thức văn hóa của nước nhà, để cho các nhà hữu tâm có tài liệu nghiên cứu” (Thích Mật Thể, 1940, tr. 27). Do vậy, trong quá trình chấn hưng, nhiều loại hình sách vở, kinh điển từ tiếng Pali, tiếng Phạn, tiếng Hán đã được các tổ chức Phật giáo ở cả ba miền sưu tập và dịch sang chữ Quốc ngữ, như: Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kim Cang Bát Nhã, Ưu Bà Tắc Giới,... Việc sử dụng chữ Quốc ngữ trong quá trình đào tạo đã giúp cho nhiều tăng ni, phật tử có thêm điều kiện thuận lợi để tiếp cận với cả những nguồn tri thức nội điển lẫn ngoại điển. Mặt khác, nó còn giúp phổ quát sâu rộng ngôn ngữ dân tộc đến với quần chúng nhân dân. Đây cũng chính là một trong những thành quả to lớn mà Phật giáo Việt Nam đã thể hiện trong suốt giai đoạn chấn hưng.

Về phương diện văn hóa: Trong quá trình chấn hưng, các tổ chức Phật giáo ở cả ba miền đã chú trọng đến việc xuất bản báo chí để làm cơ quan ngôn luận cho các hoạt động.

Ở miền Nam có: Tạp chí *Từ bi âm* của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, được Toàn quyền Pasquier cấp giấy phép xuất bản vào ngày 30/4/1931, số đầu tiên ra mắt ngày 1/1/1932; Tạp chí *Niết bàn* của Hội Thông thiên học được Toàn quyền cấp phép xuất bản ngày 19/7/1933, số đầu tiên ra mắt vào ngày 01/10/1933; Chuyên san *Đạo Phật Thích Ca, Cùng bạn, Liên Hoa Đạo tập* của Hội Phước Thiện nhà Phật xuất bản năm 1933; Tạp chí *Bồ Đề* của Hội Phật học Tương tế được cấp giấy phép xuất bản vào ngày 29/4/1935, số đầu tiên ra mắt vào ngày 15/8/1936; Tạp chí *Duy tâm Phật học* của Hội Lương Xuyên Phật học được cấp giấy phép xuất bản ngày 05/7/1935, số đầu tiên ra mắt ngày 01/10/1935; Phụ trương *Phật học* của tờ báo *Lục tỉnh Tân văn*, số đầu tiên vào ngày 16/7/1935; Tạp chí *Bát Nhã âm* của Hội Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên Hữu được cấp giấy phép xuất bản ngày 30/12/1935, số đầu tiên ra mắt ngày 15/3/1936; Tạp chí *Pháp âm Phật học* của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội ra mắt số đầu tiên ngày 15/01/1937; Tạp chí *Ánh sáng Phật pháp* của Hội Phật giáo An Nam tại Campuchia được cấp giấy phép xuất bản ngày 23/9/1937, số đầu tiên ra mắt ngày 01/01/1938; Tạp chí *Tiến hóa* của Hội Phật học Kiêm Tế được cấp giấy phép xuất bản ngày 25/10/1937, số đầu tiên ra mắt ngày 01/02/1938;...

Ở miền Trung có Nguyệt san *Viên âm* của Hội An Nam Phật học, được cấp giấy phép xuất bản ngày 30/5/1933, số đầu tiên ra mắt ngày 01/12/1933; Tạp chí *Tam bảo* của Hội Phật học Đà Thành, xuất bản số đầu tiên vào ngày 15/01/1937;...

Ở miền Bắc có Tạp chí *Đức tuệ* của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, ra mắt số đầu tiên ngày 10/12/1935; *Tiếng chuông sớm* của Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn, ra mắt số đầu tiên vào ngày 15/6/1935;...

Sau năm 1945, Phật giáo Việt Nam tiếp tục có thêm những tờ báo mới. Ở miền Nam có: *Tinh tấn*, xuất bản tháng 4/1949; *Từ Quang Phật học*, xuất bản số đầu tiên vào ngày lễ Phật đản 08/4/1951; *Phật học Tạp chí*, xuất bản tháng 9/1952;... Ở miền Trung có báo *Giải thoát*, xuất bản tháng 11/1946; *Phật giáo Văn tập*, xuất bản ngày 08/4/1947; *Giác ngộ*, xuất bản ngày 08/4/1949; *Hướng thiện*, xuất bản ngày 01/6/1950; *Liên Hoa văn tập*, xuất bản tháng 01/1955. Ở miền Bắc có tờ *Diệu âm*, xuất bản tháng 8/1946; *Bồ Đề Tân Thanh* (sau đổi tên thành *Bồ Đề bán nguyệt san*), xuất bản ngày 22/9/1949; *Phương tiện bán nguyệt san*, xuất bản ngày 9/8/1949;... (Dương Thanh Mừng, 2022, tr. 594). Sự ra đời của báo chí Phật giáo vừa góp phần thúc đẩy Phong trào Chấn hưng đi vào chiều sâu lẫn chiều rộng, vừa tạo điều kiện để chuyển tải các tri thức Phật học đến gần hơn với đời sống quần chúng nhân dân.

Trong suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo Việt Nam không những đã minh chứng tinh thần đồng hành, sát cánh cùng dân tộc, mà còn trở thành một “món ăn tinh thần” không thể thiếu đối với nhiều người dân Việt. Có thể bắt gặp những ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống con người Việt Nam qua nhiều phương diện, như: trong sự hòa quyện với tín ngưỡng dân gian, trong văn hóa nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, trong phong tục, tập quán, trong giáo dục nhân cách và đạo đức cho con người. Do đó, ngoài mục tiêu chấn chỉnh đạo pháp, Phong trào

Chấn hưng Phật giáo Việt Nam với việc kêu gọi gìn giữ và phát huy các giá trị tinh túy của đạo Phật cũng đồng nghĩa với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, là mục tiêu đã được hun đúc, nuôi dưỡng qua bao thời kỳ.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra trong bối cảnh đất nước đang nằm dưới ách thống trị của chính quyền thuộc địa Pháp. Để thực hiện thành công cái gọi là sự nghiệp “khai hóa văn minh”, chính quyền thuộc địa Pháp tăng cường các biện pháp bóc lột về kinh tế, đàn áp về quân sự, chính trị...; đồng thời, thực thi nhiều chính sách nhằm tiến đến đồng hóa và nô dịch quần chúng nhân dân Việt Nam trong lề lối văn hóa, tư tưởng, lối sống mà chính quyền mong muốn tạo dựng. Bằng những hoạt động thiết thực như giáo dục đào tạo, kêu gọi và bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan, hình thành tư tưởng lối sống bình đẳng, bác ái... phong trào này đã góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trước sức mạnh đồng hóa đến từ văn hóa phương Tây. Đồng thời, tạo ra cầu nối quan trọng cho sự giao lưu, kết nối văn hóa giữa các vùng miền, giữa dân tộc Việt Nam với nhiều nước khác trên thế giới.

2. Bài học kinh nghiệm rút ra từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam

Thứ nhất, Phật giáo Việt Nam phải luôn xem trọng các yêu cầu của thời đại để chủ động tiếp biến, hội nhập và phát triển. Thực trạng Phật giáo Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XX đặt ra cho nhiều tầng ni, phật tử, những người mến mộ đạo Phật không ít băn khoăn và trăn trở. Làm thế nào để khắc phục được tình trạng khủng hoảng và suy yếu đã kéo dài qua nhiều thế kỷ? Làm thế nào để Đạo pháp luôn được trường tồn, luôn gắn liền với tiến trình phát triển của đất nước và thời đại? Làm thế nào để Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò, sức mạnh hộ quốc an dân của mình? Trước và trong giai đoạn chấn hưng đã xuất hiện ba khuynh hướng tư tưởng với những sắc thái khác nhau: 1) Một số tầng ni, phật tử có tư tưởng hoài nghi với các chủ trương của phong trào nên quá trình thực hiện chấn hưng thiếu nhiệt tâm, thiếu thiện chí. 2) Các tầng ni, phật tử đã có “địa vị” trong xã hội thu mình trước những yêu cầu đổi mới và thậm chí còn có những phản ứng gay gắt trước các hoạt động của Phong trào Chấn hưng; quan điểm “Phật giáo xưa sao, nay vậy cần gì mà phải chấn hưng” trên thực tế đã tồn tại trong một số tầng ni, phật tử. 3) Với tấm lòng mộ đạo, trăn trở trước sự xuống cấp của đạo Phật đã tìm mọi cách để vực dậy tinh thần của tôn giáo này; đây chính là bộ phận đã mang lại nguồn sống mới cho Phật giáo Việt Nam trước những yêu cầu bức thiết của thời đại. Thành công lớn nhất mà phong trào đạt được đó chính là việc các tầng ni, phật tử trên khắp cả ba miền nước đã gạt bỏ những thắc mắc, thành kiến cá nhân để đi đến thống nhất với nhau trong một đại gia đình - Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1951), sau này là Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981). Cũng chính từ thành công của Phong trào Chấn hưng đã góp phần giúp Phật giáo Việt Nam vượt qua pháp nạn 1963, tiếp tục phát huy vai trò và vị thế của mình.

Đây chính là bài học kinh nghiệm quý báu mà Phật giáo Việt Nam trong thời điểm hiện tại cần phải nhìn nhận để tiếp tục phát huy trong giai đoạn mới. Bởi, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI này, đời sống của tầng ni, phật tử đang chịu không ít những tác động của thời

cuộc. Bên cạnh sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, của quá trình chuyển đổi số, cuộc Cách mạng 4.0, của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội thì Phật giáo nói riêng cũng như đời sống con người nói chung đang phải đối diện với nhiều nguy cơ và thách thức vô cùng to lớn. Đó chính là sự bùng phát của các căn bệnh thế kỷ, tiêu biểu như là sự tàn phá của đại dịch Covid-19 (2020-2022) bất bình đẳng xã hội và theo sau là thất nghiệp, phân hóa giàu - nghèo diễn ra ngày càng sâu sắc; là sự phân hóa, phân cực giữa các quốc gia cùng nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chiến tranh Thế giới thứ Ba; sự tha hóa về mặt luân lý, đạo đức, nhân cách của con người; tệ nạn xã hội, khủng bố; là biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường,... (Hà Thúc Dũng, 2021, tr.12-14). Do vậy, Phật giáo Việt Nam trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, một mặt cần phải thực hiện đúng khế lý, khế cơ để không đánh mất đi những giá trị ưu việt của mình; mặt khác cần phải tích cực hội nhập với xu thế chung của thời đại để tránh rơi vào tình trạng lạc hậu cũng như kịp thời bổ sung thêm các chất liệu mới, các nguồn năng lượng mới cho quá trình phát triển. Hơn nữa, hội nhập với xu thế của thời đại cũng chính là cơ hội để Phật giáo thể hiện sâu sắc hơn tinh thần nhập thế qua sự tham gia chia sẻ và gánh vác trách nhiệm với đời sống của con người và với các vấn đề toàn cầu đang diễn ra. Hội nhập cũng chính là để Phật giáo Việt Nam tăng cường tinh thần đồng thuận với cộng đồng Phật giáo quốc tế; là cơ hội để Phật giáo Việt Nam thể hiện rõ bản sắc của mình trước nền văn hóa, văn minh của nhân loại. Cũng cần phải lưu ý rằng, hòa nhập nhưng không hòa tan, Phật giáo Việt Nam cần phải xem xét kỹ những yêu cầu, những tác động của thời đại để từ đó có những lộ trình, những bước đi thích hợp, tránh bị cuốn vào ma lực của cơ chế thị trường, làm mất đi sự tôn nghiêm của đạo Phật.

Thứ hai, Phật giáo Việt Nam cần chú trọng công tác giáo dục, đào tạo tăng tài cũng như nghiêm trì giới luật trong tăng chúng. Bước vào thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam chịu tác động sâu sắc từ những biến động của bối cảnh lịch sử dân tộc lẫn quốc tế. Những giá trị văn hóa mới du nhập từ bên ngoài, cùng với đó là chính sách cai trị của chính quyền thuộc địa Pháp đã làm thay đổi nhiều phương thức sinh hoạt truyền thống của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Đã có tăng ni, phật tử bị lôi cuốn vào vòng xoáy của quá trình này. Đó chính là thực trạng rệu rã, cò bạc, đàm tương thanh sắc trong một bộ phận nhỏ tăng ni, phật tử; sự xuống cấp về mặt đạo hạnh của một số ít tăng già đã quen với lối sống cầu vãi cúng cấp, không tuân theo giáo lý, giới luật nhà Phật; lối sống an phận thủ thường mặc nhiên những biến động của thời cuộc;... (Thích Mật Thể, 1960, tr. 223). Thực trạng này đã làm cho Phật giáo Việt Nam vốn đang gặp khó khăn trong quá trình phát triển lại càng thêm khủng hoảng và suy yếu sâu sắc hơn (Thích Gia Quang, 2017, tr. 158-159). Nhận thức được những vấn đề có tính căn cốt mà Phật giáo Việt Nam đang gặp phải, các tổ chức Phật học trong quá trình vận động chấn hưng đã nhấn mạnh đến công tác đào tạo tăng tài cũng như chấn chỉnh phương pháp tu tập, cách thức sinh hoạt cho các tăng ni, phật tử. Hai hoạt động này gần như đều được các hội đoàn thực hiện xuyên suốt trong giai đoạn chấn hưng. Chính nhờ vậy, Phật giáo Việt Nam không những đã khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm đang gặp phải, gìn giữ được các giá trị tinh anh, củng cố được niềm tin của quần chúng nhân dân đối với đạo Phật, mà còn tạo lập một tâm thế

phát triển vững chắc cho tôn giáo này trong các giai đoạn tiếp theo. Minh chứng rõ nhất là các tăng ni, phật tử trưởng thành trong giai đoạn chấn hưng đã thể hiện rõ được trí lực, sức mạnh tinh thần đoàn kết để thực hiện cuộc đấu tranh bảo vệ sự vẹn toàn của Đạo pháp và từ đó tiến tới thống nhất Phật giáo “Bắc - Trung - Nam một nhà”. Những thành công này của Phong trào Chấn hưng đã gợi mở cho Phật giáo Việt Nam nhiều kinh nghiệm đáng quý. Trong đó, trọng tâm là vấn đề tăng tài và nghiêm trì giới luật trong tăng chúng.

Bằng sự trải nghiệm từ thực tế các hoạt động chấn hưng, cải cách Phật pháp, Hòa thượng Thiện Minh đã phát biểu rằng: “Tăng bảo là hiện thân cụ thể cho tinh thần vô thượng của đạo Phật. Tăng bảo còn, Phật giáo còn. Tăng bảo suy đồn thì Phật giáo bại vong” (Thích Thiện Minh, 1956, tr. 3). Nhận định này của Hòa thượng Thiện Minh luôn đúng đối với Phật giáo qua mọi thời đại dù là quá khứ hay trong thời điểm hiện nay. Các tu sĩ Phật giáo luôn là đồng lương (trụ cột) của Phật giáo nước nhà. Sự suy yếu hay thiếu chuẩn chỉnh của giới tu sĩ sẽ quyết định trực tiếp đến mức độ mờ nhạt hay tỏ rạng của Phật giáo Việt Nam. Muốn có một lực lượng tăng ni thực sự vững chắc cả về trình độ kiến thức lẫn đạo hạnh thì Phật giáo Việt Nam hiện nay cần phải chú trọng đến công tác giáo dục, đào tạo tăng tài cũng như khả năng chấp pháp và nghiêm trì giới luật trong tăng chúng. Để làm được điều đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần phải tích cực đổi mới nội dung chương trình, cách thức đào tạo: (i) Căn nhất thể hóa chương trình, quy cách đào tạo giữa các viện Phật học, các trường trung cấp, cao đẳng Phật học trên khắp cả nước; (ii) Ban hành kịp thời các chính sách nhằm động viên, khuyến khích tinh thần tu học trong tăng ni, phật tử; (iii) Xây dựng các chuyên khoa, các chuyên ngành phù hợp với những yêu cầu mới của đời sống xã hội; (iv) Chú trọng đầu tư cho các tăng ni sinh, bởi mục tiêu đào tạo không chỉ dừng lại ở việc tạo nên đội ngũ chức sắc cho Giáo hội hay bảo đảm lực lượng tu sĩ nhằm duy trì ngọn đèn chánh pháp, mà còn phải hướng đến việc phát huy tinh thần nhập thế để thực hiện tốt hạnh từ bi, cứu khổ của đức Phật; (v) Đẩy mạnh công tác phiên dịch kinh sách Phật giáo nhằm tạo cơ sở cho việc tiếp cận đầy đủ và toàn diện hơn về giáo lý, giới luật nhà Phật.

Thứ ba, Phật giáo Việt Nam cần có sự nhất quán về mặt đường lối và cách thức hành động trong toàn đạo. Một trong những nguyên nhân làm cho Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX rơi vào tình cảnh suy yếu chính là sự biệt lập giữa các môn đình, hệ phái. Sự biệt lập này không những đã làm ảnh hưởng đến sức mạnh đoàn kết của Phật giáo Việt Nam, mà còn ảnh hưởng đến sự nhất thể hóa về mặt phương pháp tu tập, cách thức hành động của các tăng ni, phật tử. Phong trào Chấn hưng với sự xuất hiện của các tổ chức Phật học ở Bắc - Trung - Nam đã bước đầu quy tụ được các sơn môn, hệ phái ở từng địa phương, vùng miền tham gia sinh hoạt và thực hiện dựa theo một bản điều lệ, quy tắc chung nhất. Đến năm 1951, khi Tổng hội Phật giáo Việt Nam được thành lập thì sự nhất thể hóa về mặt đường lối và cách thức hoạt động của Phật giáo càng được nhân rộng ra cả nước. Thực tế đã cho thấy, chính từ sự thống nhất về mặt đường lối, cách thức hành động này đã tạo ra cho Phật giáo Việt Nam những bước phát triển khá vững chắc, đủ sức để chống lại sự xâm nhập của những tác động chủ quan

hay khách quan bên ngoài. Sự vươn mình của Phật giáo Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, hay cả những sự thay đổi có tính đột phá của tôn giáo này trong những thập niên đầu thế kỷ XXI có một phần nguyên nhân ở việc Tổng hội hay Giáo hội Phật giáo Việt Nam sau này đã tạo nên được sự nhất thể hóa về mặt đường lối, chủ trương hoạt động. Tất nhiên, để có được sự đồng tâm, nhất trí của tăng ni, phật tử trên khắp cả nước thì các quyết nghị, chính sách của Giáo hội phải luôn lấy tâm tư, nguyện vọng chính đáng của phật tử làm mẫu số căn bản. Bên cạnh đó, cần phải chú trọng tinh thần lục hòa giữa các sơn môn, hệ phái; giữa các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương nhằm đảm bảo một sự chuyển động nhịp nhàng trong ban hành cũng như thực hiện các chính sách; tăng cường ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật để mỗi phật tử có thể dễ dàng tiếp cận với các văn bản chính sách, từ đó, bảo đảm mức độ phổ quát cũng như tính khả thi trong thực thi các chương trình hành động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

KẾT LUẬN

Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX đã khẳng định một nguyên tắc quan trọng là phải biết thích ứng, đổi mới để tồn tại và phát triển trong dòng chảy của lịch sử. Từ một trạng thái suy yếu, khủng hoảng, Phật giáo Việt Nam đã vươn mình thành một tổ chức thống nhất, hiện đại, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Ý nghĩa lịch sử của phong trào vượt xa khuôn khổ của một cuộc cải cách tôn giáo đơn thuần. Nó thể hiện tinh thần tự cường dân tộc trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trước sự xâm nhập của văn hóa, văn minh phương Tây. Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã minh chứng khả năng kế thừa tinh túy của truyền thống, kết hợp với tiếp thu những yếu tố tiên bộ của thời đại, tạo nên một mô hình phát triển bền vững và hiệu quả. Bài học sâu sắc từ phong trào này chính là việc nhận thức đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và đổi mới. Phật giáo Việt Nam đã chứng minh rằng, muốn duy trì bản sắc không có nghĩa là cố thủ quá khứ, mà phải biết vận dụng linh hoạt những giá trị cốt lõi để thích ứng với hoàn cảnh mới. Thành công của phong trào này còn khẳng định vai trò quan trọng của sự đoàn kết, thống nhất trong việc tạo nên sức mạnh tập thể. Sự chuyển từ trạng thái phân tán, biệt lập sang thống nhất trong một tổ chức duy nhất đã tạo nên bước ngoặt quyết định, giúp Phật giáo Việt Nam có đủ sức đề kháng để đối phó với những thách thức trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Dương Thanh Mừng. (2016). Tiến trình Phong trào Chấn hưng Phật giáo miền Trung Việt Nam: Giai đoạn 1932 - 1951. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4, tr. 45-64.
2. Dương Thanh Mừng. (2022). *Phong trào Chấn hưng Phật giáo miền Nam Việt Nam*. Nxb. Đà Nẵng.

3. Đặng Thị Lan. (2011). “Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX: Vai trò và ý nghĩa của nó đối với lịch sử tư tưởng dân tộc”. Trong Kỷ yếu Hội thảo: *Tư tưởng triết học Việt Nam trong bối cảnh du nhập* (tr. 233-246). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Hà Thúc Dũng. (2021). Vấn đề phân tầng xã hội và di động xã hội qua các nghiên cứu trong và ngoài nước. *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 11 (279), tr. 12-23.
5. Lê Tâm Đắc. (2006). Công tác giáo dục tăng ni ở Hội Phật giáo Bắc Kỳ. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5, tr. 35-42.
6. Lê Tâm Đắc. (2012). *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Ninh Thị Sinh. (2020). *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ: Trường hợp Hội Phật giáo (1934-1954)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Nguyễn Đại Đồng. (2008). Nhìn lại tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4, tr. 14-21.
9. Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh. (2008). *Phong trào chấn hưng Phật giáo (Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938)*. Nxb. Tôn giáo.
10. Nguyễn Lang. (1994). *Việt Nam Phật giáo sử luận* (tập 3). Nxb. Văn học.
11. Nguyễn Thị Thảo. (2014). *Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945*. [Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh].
8. Thích Gia Quang. (2017). Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại ở Việt Nam. Trong: *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại* (tr. 157-173). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Thích Mật Thể. (1940). Đã đến thời kỳ kiến thiết nền Phật học Quốc văn chưa?. *Nguyệt san Viên Âm*, Số 38, tr. 24-27.
10. Thích Mật Thể. (1960). *Việt Nam Phật giáo sử lược*. Nxb. Minh Đức.
11. Thích Thiện Hoa. (1970). *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam* (Tập 1). Viện Đạo hóa và Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất xuất bản.
12. Thích Thiện Minh. (1956). *Lời giới thiệu Thành tích Phật học đường*. Phật học đường Tổng hội phát hành.
13. Thích Trí Quang. (1950). Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc. *Nguyệt san Viên Âm*, Số 99, tr. 3-6.
14. Trần Văn Giàu. (1993). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám* (Tập 2). Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.